BỘ NGOẠI GIAO

BỘ NGOẠI GIAO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 44/2012/TB-LPQT	*Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2012*

THÔNG BÁO
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 47 của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Ma-rốc về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập, ký tại Hà Nội ngày 24 tháng 11 năm 2008, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 9 năm 2012.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi Bản sao Hiệp định theo quy định tại Điều 68 của Luật nêu trên./.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Lê Thị Tuyết Mai

HIỆP ĐỊNH

GIỮA

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

VƯƠNG QUỐC MA-RỐC

VỀ

TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

VÀ

NGĂN NGỪA VIỆC TRỐN LẬU THUẾ

ĐỐI VỚI CÁC LOẠI THUẾ ĐÁNH VÀO THU NHẬP

Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Ma-rốc, mong muốn đẩy mạnh và tăng cường các mối quan hệ kinh tế thông qua việc ký kết một Hiệp định về việc tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập,

ĐÃ THOẢ THUẬN DƯỚI ĐÂY:

ĐIỀU 1
PHẠM VI ÁP DỤNG

Hiệp định này được áp dụng cho các đối tượng là đối tượng cư trú của một hoặc của cả hai Nước ký kết.

ĐIỀU 2
CÁC LOẠI THUẾ BAO GỒM TRONG HIỆP ĐỊNH

1. Hiệp định này áp dụng đối với các loại thuế do một Nước ký kết hoặc các cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó đánh vào thu nhập, bất kể hình thức áp dụng của các loại thuế đó như thế nào.

2. Tất cả các loại thuế thu trên tổng thu nhập, hoặc những phần của thu nhập, bao gồm các khoản thuế đối với lợi nhuận từ việc chuyển nhượng động sản hoặc bất động sản, các loại thuế đánh trên tổng số tiền lương hoặc tiền công do doanh nghiệp chi trả, cũng như các loại thuế đánh vào giá trị tài sản tăng thêm đều được coi là thuế đánh vào thu nhập.

3. Những loại thuế hiện hành được áp dụng trong Hiệp định này cụ thể là:

   a) trong trường hợp đối với Việt Nam:

      (i) thuế thu nhập doanh nghiệp;

      (ii) thuế thu nhập cá nhân;

      (dưới đây được gọi là "thuế Việt Nam"); và

   b) trong trường hợp đối với Ma-rốc:

      (i) thuế thu nhập;

      (ii) thuế công ty;

      (dưới đây được gọi là "thuế Ma-rốc").

4. Hiệp định này cũng sẽ được áp dụng cho các loại thuế có tính chất tương tự hoặc về căn bản giống như các loại thuế trên ban hành sau ngày ký Hiệp định này để bổ sung, hoặc thay thế các loại thuế hiện hành. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau những thay đổi cơ bản trong các luật thuế của từng nước.

ĐIỀU 3
CÁC ĐỊNH NGHĨA CHUNG

1. Theo Hiệp định này, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi sự giải thích khác:

a) thuật ngữ "Nước ký kết" và "Nước ký kết kia" có nghĩa là Việt Nam hoặc Ma-rốc, tùy theo ngữ cảnh đòi hỏi;

b) thuật ngữ "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; khi dùng theo nghĩa địa lý, thuật ngữ này có nghĩa là lãnh thổ đất liền, các hải đảo, nội thuỷ, lãnh hải và vùng trời phía trên đó, vùng biển ngoài lãnh hải, bao gồm cả đáy biển và lòng đất dưới đáy biển mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán phù hợp với pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế;

c) thuật ngữ "Ma-rốc" có nghĩa là Vương quốc Ma-rốc và, khi dùng theo nghĩa địa lý, thuật ngữ "Ma-rốc" bao gồm:

(i) vùng lãnh thổ của Vương quốc Ma-rốc, vùng lãnh hải của Ma-rốc; và

(ii) những vùng biển bên ngoài lãnh hải, bao gồm đáy biển và lòng đất dưới đáy biển (thềm lục địa) và vùng đặc quyền kinh tế mà Ma-rốc có chủ quyền, phù hợp với nội luật của Ma-rốc và luật pháp quốc tế, đối với việc thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên của những vùng này;

d) thuật ngữ "thuế" có nghĩa là thuế Việt Nam hoặc thuế Ma-rốc, tùy theo ngữ cảnh đòi hỏi;

e) thuật ngữ "đối tượng" bao gồm cá nhân, công ty, tổ chức hùn vốn và bất kỳ tổ chức nào khác;

f) thuật ngữ "công ty" để chỉ bất kỳ một tổ chức công ty hoặc bất kỳ một thực thể nào được coi là tổ chức công ty dưới giác độ thuế;

g) thuật ngữ "doanh nghiệp của một Nước ký kết" và "doanh nghiệp của Nước ký kết kia" theo thứ tự có nghĩa là một doanh nghiệp do đối tượng

cư trú của một Nước ký kết và một doanh nghiệp do đối tượng cư trú của Nước ký kết kia điều hành;

h) thuật ngữ "vận tải quốc tế" có nghĩa là bất cứ sự vận chuyển nào bằng tàu thủy hoặc máy bay được điều hành bởi một doanh nghiệp có trụ sở điều hành thực tế (ví dụ: trụ sở chính) tại một Nước ký kết, trừ trường hợp khi chiếc tàu thủy hoặc máy bay đó chỉ hoạt động giữa những địa điểm ở Nước ký kết kia;

i) thuật ngữ "nhà chức trách có thẩm quyền" có nghĩa:

(i) trong trường hợp đối với Việt Nam là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng;

(ii) trong trường hợp đối với Ma-rốc là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng;

j) thuật ngữ "đối tượng mang quốc tịch" có nghĩa:

(i) bất kỳ một cá nhân nào mang quốc tịch của một Nước ký kết;

(ii) bất kỳ pháp nhân, tổ chức hùn vốn hoặc các hiệp hội nào có tư cách được chấp nhận theo các luật có hiệu lực tại một Nước ký kết.

2. Trong khi một Nước ký kết áp dụng Hiệp định này tại bất kỳ thời điểm nào, bất kỳ thuật ngữ nào chưa được định nghĩa trong Hiệp định này, sẽ có nghĩa theo như định nghĩa trong luật của Nước đó liên quan đến các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng tại thời điểm đó, nếu thuật ngữ này được định nghĩa trong cả luật thuế đang được áp dụng và các luật khác của Nước đó thì thuật ngữ này có nghĩa theo như định nghĩa trong luật thuế, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác.

ĐIỀU 4
ĐỐI TƯỢNG CƯ TRÚ

1. Theo Hiệp định này, thuật ngữ "đối tượng cư trú của một Nước ký kết" có nghĩa là bất cứ đối tượng nào, mà theo các luật của Nước đó, là đối tượng chịu thuế căn cứ vào nhà ở, nơi cư trú, nơi thành lập, trụ sở đăng ký, trụ sở điều hành hoặc bất kỳ tiêu thức nào khác có tính chất tương tự và cũng có thể bao gồm cả Nước đó và bất cứ cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó. Tuy nhiên, thuật ngữ này không bao gồm bất kỳ đối tượng nào là đối tượng chịu thuế tại Nước đó chỉ đối với thu nhập từ các nguồn tại Nước đó.

2. Trường hợp theo các quy định tại khoản 1, khi một cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, thì thân phận cư trú của cá nhân đó sẽ được xác định như sau:

a) cá nhân đó sẽ chỉ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà tại đó cá nhân đó có nhà ở thường trú; nếu cá nhân đó có nhà ở thường trú ở cả hai Nước, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó có các quan hệ cá nhân và kinh tế chặt chẽ hơn (trung tâm của các quyền lợi chủ yếu);

b) nếu như không thể xác định được Nước nơi cá nhân đó có trung tâm các quyền lợi chủ yếu, hoặc nếu cá nhân đó không có nhà ở thường trú ở cả hai Nước, cá nhân đó sẽ chỉ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó thường sống;

c) nếu cá nhân đó thường sống ở cả hai Nước hoặc không sống thường xuyên ở Nước nào, thì cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó mang quốc tịch;

d) nếu cá nhân đó là đối tượng mang quốc tịch của cả hai Nước hoặc không mang quốc tịch của Nước nào, nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ giải quyết vấn đề đó bằng thoả thuận chung.

3. Trường hợp theo các quy định tại khoản 1, khi một đối tượng không phải là cá nhân, là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, khi đó đối tượng trên sẽ chỉ được coi là đối tượng cư trú của Nước nơi có trụ sở điều hành thực tế (ví dụ: trụ sở chính) của đối tượng đó.

ĐIỀU 5
CƠ SỞ THƯỜNG TRÚ

1. Theo Hiệp định này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" có nghĩa là một cơ sở kinh doanh cố định mà qua đó doanh nghiệp thực hiện toàn bộ hoặc một phần hoạt động kinh doanh của mình.

2. Thuật ngữ "cơ sở thường trú" chủ yếu bao gồm:

a) trụ sở điều hành;

b) chi nhánh;

c) văn phòng;

d) nhà máy;

e) xưởng;

f) mỏ, giếng dầu hoặc khí, mỏ đá hoặc bất kỳ địa điểm thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên;

g) cấu trúc lắp đặt, hoặc thiết bị được sử dụng cho việc thăm dò tài nguyên thiên nhiên;

h) cửa hàng; và

i) kho hàng.

3. Thuật ngữ "cơ sở thường trú" cũng bao gồm:

a) một địa điểm xây dựng, công trình xây dựng, dự án lắp ráp hoặc lắp đặt hoặc các hoạt động giám sát liên quan, nhưng chỉ khi địa điểm, công trình hoặc các hoạt động đó kéo dài trên sáu tháng;

b) một doanh nghiệp cho thuê ở một Nước ký kết các phương tiện hoặc nhà máy và máy móc được sử dụng để thăm dò, khai thác dầu khoáng ở Nước đó.

4. Mặc dù có các quy định trên của Điều này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" sẽ được coi là không bao gồm:

a) việc sử dụng các phương tiện riêng cho mục đích lưu kho hoặc trưng bày hàng hoá của doanh nghiệp;

b) việc duy trì kho hàng hoá của doanh nghiệp chỉ với mục đích lưu kho hoặc trưng bày;

c) việc duy trì kho hàng hoá của doanh nghiệp chỉ với mục đích để cho doanh nghiệp khác gia công;

d) việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định của doanh nghiệp chỉ với mục đích mua hàng hoá cho doanh nghiệp hoặc để thu thập thông tin cho doanh nghiệp đó;

e) việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ với mục đích tiến hành bất kỳ hoạt động nào khác có tính chất chuẩn bị hoặc phụ trợ cho doanh nghiệp;

f) việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ để kết hợp bất kỳ các hoạt động nào nêu từ điểm a) đến e), với điều kiện toàn bộ hoạt động của cơ sở kinh doanh cố định đó trên cơ sở sự kết hợp này mang tính chất chuẩn bị hoặc phụ trợ.

5. Mặc dù có các quy định tại các khoản 1 và 2, trường hợp một đối tượng - trừ đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh tại khoản 7 - hoạt động tại một Nước ký kết thay mặt cho một doanh nghiệp của Nước ký kết kia, doanh nghiệp đó sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Nước ký kết thứ nhất đối với các hoạt động mà đối tượng trên thực hiện cho doanh nghiệp, nếu đối tượng đó:

a) có và thường xuyên thực hiện tại Nước đó thẩm quyền ký kết các hợp đồng đứng tên doanh nghiệp, trừ khi các hoạt động của đối tượng đó chỉ giới hạn trong phạm vi các hoạt động nêu tại khoản 4 mà những hoạt động đó nếu được thực hiện thông qua một cơ sở kinh doanh cố định thì sẽ không làm cho cơ sở kinh doanh cố định đó trở thành một cơ sở thường trú theo những quy định tại khoản đó; hoặc

b) không có thẩm quyền nêu trên, nhưng thường xuyên duy trì tại Nước thứ nhất một kho hàng hoá qua đó đối tượng này thường xuyên giao hàng hoá thay mặt cho doanh nghiệp.

6. Mặc dù có các quy định trên của Điều này, một doanh nghiệp bảo hiểm của một Nước ký kết sẽ, trừ trường hợp đối với tái bảo hiểm, được coi là có cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia nếu doanh nghiệp đó thu phí bảo hiểm trên lãnh thổ của Nước kia hoặc bảo hiểm các rủi ro tại Nước kia thông qua một đối tượng không phải là một đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh tại khoản 7.

7. Một doanh nghiệp của một Nước ký kết sẽ không được coi là có cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia nếu doanh nghiệp chỉ thực hiện kinh doanh tại Nước kia thông qua một đại lý môi giới, một đại lý hoa hồng hoặc bất kỳ một đại lý nào khác có tư cách độc lập, với điều kiện những đối tượng này chỉ hoạt động trong khuôn khổ kinh doanh thông thường của họ. Tuy nhiên, khi các hoạt động của đại lý đó được giành toàn bộ hoặc hầu như toàn bộ cho hoạt động đại diện cho doanh nghiệp đó, đại lý đó sẽ không được coi là đại lý có tư cách độc lập theo nghĩa của khoản này.

8. Việc một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát bởi một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, hoặc đang tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước kia (có thể thông qua một cơ sở thường trú hoặc dưới hình thức khác), sẽ không làm cho bất kỳ công ty nào trở thành cơ sở thường trú của công ty kia.

ĐIỀU 6
THU NHẬP TỪ BẤT ĐỘNG SẢN

1. Thu nhập mà một đối tượng cư trú tại một Nước ký kết thu được từ bất động sản (kể cả thu nhập từ nông nghiệp hoặc lâm nghiệp) đặt tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Thuật ngữ "bất động sản" sẽ có nghĩa theo như luật của Nước ký kết nơi có tài sản. Trong mọi trường hợp thuật ngữ sẽ bao gồm cả tài sản đi liền với bất động sản, đàn gia súc và thiết bị sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp, các quyền áp dụng theo các quy định tại luật chung về điền sản, quyền sử dụng bất động sản và các quyền được hưởng các khoản thanh toán thay đổi hoặc cố định trả cho việc khai thác hoặc quyền khai thác các mỏ, các nguồn khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác; các tàu thủy, thuyền và máy bay sẽ không được coi là bất động sản.

3. Các quy định tại khoản 1 sẽ áp dụng đối với thu nhập phát sinh từ việc trực tiếp sử dụng, cho thuê hoặc sử dụng các loại bất động sản dưới bất kỳ hình thức nào khác.

4. Các quy định tại các khoản 1 và 3 cũng sẽ áp dụng cho thu nhập từ bất động sản của một doanh nghiệp và đối với thu nhập từ bất động sản được sử dụng để thực hiện các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập.

5. Trong trường hợp quyền sở hữu cổ phần hoặc các quyền lợi khác của một công ty hoặc một pháp nhân khác là đối tượng cư trú của một Nước ký kết cho phép chủ sở hữu của các cổ phần hoặc các quyền lợi công ty đó được hưởng bất động sản do công ty hoặc pháp nhân đó nắm giữ, thu nhập mà chủ sở hữu nhận được từ việc sử dụng, cho thuê hoặc sử dụng quyền được hưởng đó dưới bất kỳ hình thức nào khác có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi có bất động sản đó.

ĐIỀU 7
LỢI TỨC DOANH NGHIỆP

1. Lợi tức của một doanh nghiệp của một Nước ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ trường hợp doanh nghiệp có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia. Nếu doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh theo cách trên, thì các khoản lợi tức của doanh nghiệp có thể bị đánh thuế tại Nước kia nhưng chỉ trên phần lợi tức phân bổ cho:

   a) cơ sở thường trú đó;

   b) việc bán tại Nước kia những hàng hoá cùng loại hoặc tương tự như những hàng hoá bán qua cơ sở thường trú đó; hoặc

   c) các hoạt động kinh doanh khác được thực hiện tại Nước kia cùng loại hoặc tương tự với những hoạt động được thực hiện thông qua cơ sở thường trú đó.

2. Thể theo các quy định tại khoản 3, khi một doanh nghiệp của một Nước ký kết tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở

thường trú tại Nước kia, thì tại mỗi Nước ký kết sẽ có những khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú nói trên mà cơ sở đó có thể thu được, nếu đó là một doanh nghiệp riêng và tách biệt cùng tham gia vào các hoạt động như nhau hoặc tương tự trong cùng những điều kiện như nhau hoặc tương tự và có quan hệ hoàn toàn độc lập với doanh nghiệp mà cơ sở đó được coi là cơ sở thường trú.

3. Trong khi xác định lợi tức của một cơ sở thường trú, cơ sở này sẽ được phép khấu trừ các khoản chi phí thực tế phát sinh phục vụ cho hoạt động kinh doanh của cơ sở thường trú đó, bao gồm cả chi phí điều hành và chi phí quản lý chung phát sinh, cho dù là tại Nước nơi cơ sở thường trú đó đóng hoặc bất kỳ nơi nào khác. Tuy nhiên, sẽ không cho phép tính vào chi phí được trừ bất kỳ các khoản tiền nào, nếu có, do cơ sở thường trú trả cho (trừ tiền thanh toán các chi phí thực tế) trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc bất kỳ văn phòng nào khác của doanh nghiệp, dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản phí, hoặc bất kỳ khoản thanh toán tương tự nào khác để sử dụng bằng phát minh hoặc các quyền khác, hoặc dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ đặc biệt hoặc trả cho công việc quản lý, hoặc dưới hình thức lãi tiền vay tính trên tiền cho cơ sở thường trú vay, trừ trường hợp lãi tiền vay của tổ chức ngân hàng. Cũng tương tự, trong khi xác định lợi tức của cơ sở thường trú, sẽ không tính đến các khoản tiền như vậy do cơ sở thường trú thu từ trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc bất kỳ văn phòng khác của doanh nghiệp.

4. Trường hợp tại một Nước ký kết vẫn thường xác định các khoản lợi tức được phân bổ cho một cơ sở thường trú trên cơ sở phân chia tổng các khoản lợi tức của doanh nghiệp thành những phần khác nhau, không có nội dung nào tại khoản 2 ngăn cản Nước ký kết đó xác định lợi tức chịu thuế theo cách phân chia theo thông lệ trên; tuy nhiên, phương pháp phân chia được áp dụng như vậy phải đưa ra kết quả phù hợp với những nguyên tắc nêu tại Điều này.

5. Không một khoản lợi tức nào sẽ được phân bổ cho một cơ sở thường trú nếu cơ sở thường trú đó chỉ đơn thuần mua hàng hoá cho doanh nghiệp.

6. Theo nội dung các khoản trên, các khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú sẽ được xác định theo cùng một phương pháp giữa các năm trừ khi có đủ lý do chính đáng để xác định theo phương pháp khác.

7. Khi lợi tức bao gồm các khoản thu nhập được đề cập riêng tại các Điều khác của Hiệp định này, thì các quy định của các Điều đó sẽ không bị ảnh hưởng bởi các quy định tại Điều này.

ĐIỀU 8
VẬN TẢI BIỂN VÀ VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

1. Lợi tức thu được từ hoạt động của tàu thủy hoặc máy bay trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi có trụ sở điều hành thực tế (ví dụ: trụ sở chính) của doanh nghiệp.

2. Nếu trụ sở điều hành thực tế (ví dụ: trụ sở chính) của một doanh nghiệp vận tải biển đặt trên một chiếc tàu thủy, khi đó trụ sở điều hành thực tế sẽ được coi là nằm tại Nước ký kết nơi có cảng chính của tàu thủy, hoặc nằm tại Nước ký kết mà đối tượng điều hành tàu là đối tượng cư trú, nếu không có cảng chính như đã nêu trên.

3. Các quy định tại khoản 1 cũng sẽ áp dụng cho các khoản lợi tức thu được từ việc tham gia vào một tổ hợp, một liên doanh hoặc một hãng hoạt động quốc tế, nhưng chỉ đối với phần lợi tức nhận được được phân bổ tương ứng với tỉ lệ cổ phần trong hoạt động liên doanh.

ĐIỀU 9
NHỮNG DOANH NGHIỆP LIÊN KẾT

1. Khi:

   a) một doanh nghiệp của một Nước ký kết tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một doanh nghiệp của Nước ký kết kia; hoặc

   b) các đối tượng cùng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một doanh nghiệp của một Nước ký kết và vào một doanh nghiệp của Nước ký kết kia;

và trong cả hai trường hợp, trong mối quan hệ thương mại tài chính giữa hai doanh nghiệp trên có những điều kiện được đưa ra hoặc áp đặt khác với điều kiện được đưa ra giữa các doanh nghiệp độc lập, lúc đó mọi khoản lợi tức mà một doanh nghiệp có thể thu được nếu không có những điều kiện trên, nhưng nay vì những điều kiện này mà doanh nghiệp đó không thu được, sẽ vẫn được tính vào các khoản lợi tức của doanh nghiệp đó và bị đánh thuế tương ứng.

2. Khi một Nước ký kết tính vào lợi tức của một doanh nghiệp tại Nước đó – và đánh thuế tương ứng – các khoản lợi tức mà một doanh nghiệp của Nước ký kết kia đã bị đánh thuế tại Nước kia và những khoản lợi tức bị tính vào như vậy là những khoản lợi tức lẽ ra thuộc về doanh nghiệp của Nước thứ nhất nếu các điều kiện đặt ra giữa hai doanh nghiệp trên cũng là các điều kiện lập ra giữa các doanh nghiệp độc lập, khi đó Nước kia sẽ điều chỉnh các khoản thuế tại Nước mình đối với các khoản lợi tức trên cho phù hợp. Trong khi xác định sự điều chỉnh trên, sẽ xem xét đến các quy định khác trong Hiệp định này và

khi cần thiết, các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết có thể tham khảo ý kiến của nhau.

3. Các quy định của khoản 2 sẽ không áp dụng trong trường hợp các quá trình kiện tụng pháp lý, hành chính hoặc pháp luật đưa đến một quyết định cuối cùng là thực hiện điều chỉnh lợi tức theo quy định của khoản 1, mà một trong các doanh nghiệp có liên quan bị phạt vì gian lận, hoàn toàn vô trách nhiệm hoặc cố tình vắng mặt tại toà.

ĐIỀU 10
TIỀN LÃI CỔ PHẦN

1. Tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết kia.

2. Tuy nhiên, những khoản tiền lãi cổ phần đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng thực hưởng tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, thì thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá mười phần trăm (10%) tổng số tiền lãi cổ phần.

   Các quy định của khoản này sẽ không ảnh hưởng tới việc đánh thuế công ty đối với khoản lợi tức dùng để chia lãi cổ phần.

3. Thuật ngữ "tiền lãi cổ phần" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là thu nhập từ cổ phần, cổ phần "jouissance" hoặc các quyền lợi "jouissance", cổ phần khai thác mỏ, cổ phần sáng lập hoặc các quyền lợi khác, không phải là các khoản cho vay, được hưởng lợi tức, thu nhập từ các quyền lợi khác trong công ty, cũng như các khoản thu nhập khác cùng chịu sự điều chỉnh của chính sách thuế đối với thu nhập từ cổ phần theo luật của Nước nơi công ty chia lãi cổ phần là đối tượng cư trú.

4. Các quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng trong trường hợp đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú tại một Nước ký kết có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia, nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước đó, hoặc tiến hành tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước kia, và quyền nắm giữ các cổ phần được hưởng tiền lãi cổ phần, có sự liên hệ thực tế đến cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định nói trên. Trong trường hợp như vậy các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Khi một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được lợi tức hoặc thu nhập phát sinh từ Nước ký kết kia thì Nước kia có thể không đánh thuế đối với những khoản tiền lãi cổ phần do công ty này trả, trừ trường hợp

những khoản tiền lãi cổ phần này được trả cho một đối tượng cư trú của Nước kia, hoặc quyền nắm giữ cổ phần có các khoản tiền lãi cổ phần được trả có sự liên hệ thực tế với một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định tại Nước kia, đồng thời Nước kia cũng không buộc các khoản lợi tức không chia của công ty trên phải chịu thuế đối với những khoản lợi tức không chia của công ty, cho dù những khoản tiền lãi cổ phần được chia hoặc các khoản lợi tức không chia bao gồm toàn bộ hoặc một phần các khoản lợi tức hoặc thu nhập phát sinh tại Nước kia.

6. Mặc dù có bất kỳ điều khoản nào khác của Hiệp định này, khi một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có một cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia, lợi tức chịu thuế theo đoạn 1 của Điều 7 có thể bao gồm một khoản thuế khấu trừ tại nguồn ở Nước đó, phù hợp với luật thuế của Nước đó, khi các khoản lợi tức được chuyển cho trụ sở chính, nhưng thuế khấu trừ tại nguồn được tính khi đó sẽ không vượt quá mười phần trăm (10%) số lợi tức đó, sau khi trừ đi thuế công ty phải nộp tại Nước kia.

ĐIỀU 11
LÃI TỪ TIỀN CHO VAY

1. Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Tuy nhiên, khoản tiền lãi này cũng có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết nơi phát sinh lãi và theo luật pháp của Nước đó, nhưng nếu người thực hưởng các khoản tiền lãi này là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, thì mức thuế khi đó được tính sẽ không quá mười phần trăm (10%) tổng số khoản lãi tiền cho vay.

3. Mặc dù đã có các quy định tại khoản 2, lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết do Chính Phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của Nước đó chịu hoặc trả cho Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của Nước ký kết kia, sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết thứ nhất.

4. Thuật ngữ "lãi từ tiền cho vay" dùng ở Điều này có nghĩa là thu nhập từ các khoản cho vay dưới bất kỳ dạng nào, có hoặc không được đảm bảo bằng thế chấp và có hoặc không có quyền được hưởng lợi tức của người đi vay, và đặc biệt là khoản thu nhập từ chứng khoán của Chính phủ và thu nhập từ trái phiếu hoặc trái phiếu công ty, bao gồm cả tiền thưởng và giải thưởng đi liền với các chứng khoán, trái phiếu hoặc trái phiếu công ty đó. Phạt trả chậm sẽ không được coi là lãi từ tiền cho vay theo quy định của Điều này.

5. Các quy định tại các khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu người thực hưởng các khoản lãi từ tiền cho vay là đối tượng cư trú tại một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi phát sinh các khoản lãi từ tiền cho vay, thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia hoặc thực hiện tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại

Nước kia và khoản cho vay có các khoản tiền lãi được trả có sự liên hệ thực tế với:

a) cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định nói trên, hoặc

b) các hoạt động kinh doanh nêu tại điểm c) của khoản 1 Điều 7.

Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

6. Lãi từ tiền cho vay sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả là đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả lãi có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định liên quan đến các khoản cho vay đã phát sinh các khoản lãi này, và khoản tiền lãi đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì dù đối tượng có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không, khoản tiền lãi này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó đóng.

7. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả lãi và đối tượng hưởng lãi hoặc giữa cả hai đối tượng trên và các đối tượng khác, khoản lãi từ tiền cho vay, liên quan đến khoản cho vay có số tiền lãi được trả vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng đi vay và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ này, thì khi đó, các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết có xem xét thích đáng tới các quy định khác của Hiệp định này.

ĐIỀU 12
TIỀN BẢN QUYỀN

1. Tiền bản quyền phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Tuy nhiên, khoản tiền bản quyền đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi phát sinh, và theo luật của Nước này, nhưng nếu đối tượng thực hưởng tiền bản quyền là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, thì mức thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá mười phần trăm (10%) tổng số tiền bản quyền.

3. Thuật ngữ "tiền bản quyền" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán ở bất kỳ dạng nào được trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, bản quyền tác giả của một tác phẩm văn học, nghệ thuật hoặc khoa học, kể cả phim điện ảnh hoặc các loại phim hoặc các loại băng dùng trong phát thanh hoặc truyền hình hoặc truyền hình vệ tinh, cáp, sợi quang hoặc công nghệ tương tự được sử dụng cho truyền hình công cộng, băng từ, đĩa hoặc đĩa la-de (phần mềm), bằng phát minh, nhãn hiệu thương mại, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hoặc qui trình bí mật, hoặc trả cho việc sử dụng, hoặc quyền

sử dụng thiết bị công nghiệp, thương mại, nông nghiệp hoặc khoa học, hoặc các thiết bị khác, hoặc trả cho thông tin liên quan đến các kinh nghiệm công nghiệp, thương mại, nông nghiệp hoặc khoa học (bí quyết - know-how), cũng như trợ giúp kỹ thuật và cung cấp dịch vụ.

4. Các quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền bản quyền, là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh ở Nước ký kết kia nơi có khoản tiền bản quyền phát sinh, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia hoặc tiến hành tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền hoặc tài sản có các khoản tiền bản quyền được trả có sự liên hệ thực tế với:

a) cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó, hoặc

b) các hoạt động kinh doanh nêu tại điểm c) khoản 1 Điều 7.

Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Tiền bản quyền sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả tiền bản quyền là đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi một đối tượng trả tiền bản quyền, là hoặc không là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có tại một Nước ký kết một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định liên quan đến trách nhiệm trả tiền bản quyền đã phát sinh và tiền bản quyền đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì khoản tiền bản quyền này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi có cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó đóng.

6. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên với các đối tượng khác, khoản tiền bản quyền, liên quan đến việc sử dụng, quyền hoặc thông tin có số tiền bản quyền được trả, vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả tiền và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết có xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này.

ĐIỀU 13
LỢI TỨC TỪ CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN

1. Lợi tức do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng bất động sản được nêu tại Điều 6 và bất động sản đó nằm tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Lợi tức từ việc chuyển nhượng động sản là một phần của tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú mà một doanh nghiệp của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia hoặc động sản thuộc một cơ sở cố định của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết có ở Nước ký kết kia để tiến hành hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập, kể cả lợi tức từ việc chuyển nhượng cơ sở thường trú đó (riêng cơ sở thường trú đó hoặc cùng với toàn bộ doanh nghiệp) hoặc cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

3. Lợi tức thu được từ việc chuyển nhượng các tàu thủy hoặc máy bay hoạt động trong vận tải quốc tế hoặc từ chuyển nhượng động sản gắn liền với hoạt động của tàu thủy hoặc máy bay, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi doanh nghiệp có trụ sở điều hành thực tế (ví dụ: trụ sở chính).

4. Lợi tức từ việc chuyển nhượng các cổ phần hoặc các quyền lợi tương tự trong một công ty, mà tài sản của công ty bao gồm trực tiếp hoặc gián tiếp chủ yếu là bất động sản nằm tại một Nước ký kết có thể bị đánh thuế tại Nước đó.

5. Lợi tức từ việc chuyển nhượng các cổ phần khác với các cổ phần được đề cập tới tại khoản 4 chiếm ít nhất mười phần trăm (10%) vốn đóng góp trong một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có thể bị đánh thuế tại Nước đó.

6. Lợi tức thu được từ việc chuyển nhượng bất kỳ tài sản nào khác với tài sản nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi đối tượng chuyển nhượng là đối tượng cư trú.

ĐIỀU 14
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÁ NHÂN ĐỘC LẬP

1. Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động dịch vụ ngành nghề hoặc các hoạt động khác có tính chất độc lập sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó trừ những trường hợp sau đây, khi đó các thu nhập này cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia:

   a) nếu đối tượng đó thường xuyên có tại Nước ký kết kia một cơ sở cố định nhằm mục đích thực hiện các hoạt động của mình; trong những trường hợp đó chỉ phần thu nhập phân bổ cho cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia; hoặc

   b) nếu đối tượng đó có mặt tại Nước ký kết kia trong một khoảng thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian gộp lại đến hoặc trên 183 ngày trong bất kỳ giai đoạn 12 tháng bắt đầu hoặc kết thúc trong năm tài chính có liên quan; trong trường hợp đó, chỉ phần thu nhập thu được từ các hoạt động của đối tượng này được thực hiện tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Thuật ngữ "dịch vụ ngành nghề" bao gồm chủ yếu những hoạt động khoa học, văn học, nghệ thuật, giáo dục hoặc giảng dạy mang tính chất độc lập như các hoạt động độc lập của các thầy thuốc, bác sĩ, luật sư, kỹ sư, kiến trúc sư, nha sĩ và kế toán viên.

ĐIỀU 15
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÁ NHÂN PHỤ THUỘC

1. Thể theo các quy định tại các Điều 16, 18, 19, 20 và 21, các khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ khi công việc của đối tượng đó được thực hiện tại Nước ký kết kia. Nếu công việc làm công được thực hiện như vậy, số tiền công trả cho lao động đó có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Mặc dù có các quy định tại khoản 1, tiền công do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công tại Nước ký kết kia sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước thứ nhất nếu:

   a) người nhận tiền có mặt tại Nước kia trong một thời gian hoặc nhiều thời gian gộp lại không quá 183 ngày trong bất kỳ giai đoạn 12 tháng liên tục bắt đầu hoặc kết thúc trong năm tài chính có liên quan; và

   b) chủ lao động hoặc đối tượng đại diện chủ lao động trả tiền công lao động không phải là đối tượng cư trú của Nước kia; và

   c) số tiền công không phải phát sinh tại một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định mà đối tượng chủ lao động có tại Nước kia.

3. Mặc dù có các quy định trên của Điều này, tiền công thu được từ lao động làm trên tàu thủy hoặc máy bay trong vận tải quốc tế, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi doanh nghiệp có trụ sở điều hành thực tế (ví dụ: trụ sở chính).

ĐIỀU 16
THÙ LAO CHO GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ CAO CẤP

1. Các khoản thù lao cho giám đốc và các khoản thanh toán tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được với tư cách là thành viên của ban giám đốc, ban giám sát hoặc một ban tương tự của một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước kia.

2. Tiền lương, tiền công và các khoản thù lao tương tự do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được với tư cách là cán bộ quản lý cao cấp của một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước kia.

ĐIỀU 17
NGHỆ SỸ VÀ VẬN ĐỘNG VIÊN

1. Mặc dù có các quy định tại các Điều 14 và 15, thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được với tư cách người biểu diễn như diễn viên sân khấu, điện ảnh, phát thanh hoặc truyền hình, hoặc nhạc công, hoặc với tư cách là vận động viên từ những hoạt động cá nhân của mình thực hiện tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước kia.

2. Trường hợp thu nhập liên quan đến các hoạt động trình diễn cá nhân của người biểu diễn hoặc vận động viên nhưng không được trả cho bản thân người biểu diễn hoặc vận động viên, mà trả cho một đối tượng khác thì thu nhập này có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi diễn ra những hoạt động của người biểu diễn hoặc vận động viên, mặc dù đã có các quy định tại các Điều 7, 14 và 15.

3. Mặc dù có những quy định tại các khoản 1 và 2 của Điều này, thu nhập thu được từ các hoạt động được đề cập tại khoản 1 được tiến hành theo thoả thuận văn hoá giữa hai Nước ký kết sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết nơi diễn ra các hoạt động này nếu chuyến đi đến Nước đó được hỗ trợ toàn bộ bởi quỹ của 1 trong 2 Nước ký kết, của chính quyền địa phương hoặc tổ chức công của hai Nước đó.

ĐIỀU 18
TIỀN LƯƠNG HƯU, TIỀN BẢO HIỂM NHÂN THỌ HÀNG NĂM VÀ CÁC KHOẢN THANH TOÁN BẢO HIỂM XÃ HỘI

1. Thể theo các quy định tại khoản 2 Điều 19, tiền lương hưu, tiền bảo hiểm nhân thọ hàng năm và các khoản tiền công tương tự khác được trả cho một đối tượng cư trú của một Nước ký kết do các công việc đã làm trước đây sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước đó.

2. Tiền lương hưu và tiền bảo hiểm nhân thọ được trả, và các khoản thanh toán không thường xuyên hoặc định kỳ khác của Chính phủ của một Nước ký kết, hoặc một cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó để bảo hiểm tai nạn cá nhân của họ, sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước đó.

3. Mặc dù đã có các quy định tại khoản 1, tiền lương hưu và các khoản thanh toán khác được trả theo luật bảo hiểm xã hội của một Nước ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước đó.

ĐIỀU 19
PHỤC VỤ CHÍNH PHỦ

1. a) Các khoản tiền lương, tiền công và các khoản thù lao tương tự khác, trừ tiền lương hưu, do một Nước ký kết hoặc một cơ quan chính quyền cơ sở

hoặc chính quyền địa phương của Nước đó trả cho một cá nhân đối với các công việc phục vụ cho Nhà nước hoặc chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

b) Tuy nhiên, các khoản tiền lương, tiền công và các khoản thù lao tương tự khác này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nếu việc phục vụ này được thực hiện tại Nước kia và nếu cá nhân này là đối tượng cư trú của Nước kia, đồng thời:

(i) là đối tượng mang quốc tịch của Nước kia; hoặc

(ii) không trở thành đối tượng cư trú của Nước kia chỉ đơn thuần vì thực hiện những công việc trên.

2. a) Bất kỳ một khoản lương hưu nào do một Nước ký kết hoặc một cơ quan chính quyền cơ sở hoặc một cơ quan chính quyền địa phương của Nước đó hoặc do các quỹ của những cơ quan này lập ra trả cho một cá nhân đối với các công việc phục vụ cho Nhà nước hoặc các cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương tại Nước đó sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước đó;

b) Tuy nhiên, những khoản tiền lương hưu này sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước ký kết kia nếu cá nhân này là đối tượng cư trú, và là đối tượng mang quốc tịch của Nước kia.

3. Các quy định của các Điều 15, 16, 17 và 18 sẽ áp dụng đối với những khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác và tiền lương hưu đối với các công việc liên quan đến hoạt động kinh doanh được tiến hành bởi một Nước ký kết hoặc cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó.

ĐIỀU 20
SINH VIÊN, THỰC TẬP SINH VÀ HỌC SINH HỌC NGHỀ

1. Một sinh viên, thực tập sinh hoặc một học sinh học nghề hiện tại hoặc trước kia là đối tượng cư trú của một Nước ký kết ngay trước khi đến Nước ký kết kia và hiện đang có mặt tại Nước kia chỉ với mục đích học tập hoặc đào tạo sẽ được miễn thuế tại Nước kia đối với:

a) các khoản tiền do các đối tượng cư trú ngoài Nước kia trả cho sinh viên hoặc thực tập sinh hoặc học sinh học nghề đó để phục vụ cho sinh hoạt, học tập hoặc đào tạo của sinh viên hoặc thực tập sinh hoặc học sinh học nghề đó; và

b) tiền thù lao từ việc làm công tại Nước kia trong phạm vi số tiền không vượt quá ngưỡng miễn thuế thu nhập cá nhân trong năm tài chính ở mỗi

Nước ký kết, với điều kiện việc làm công đó có liên quan trực tiếp đến việc học tập hoặc được thực hiện để đảm bảo sinh hoạt của sinh viên hoặc thực tập sinh hoặc học sinh học nghề đó.

2. Quy định ưu đãi tại Điều này sẽ chỉ được áp dụng trong khoảng thời gian hợp lý hoặc theo thông lệ cần thiết để hoàn thành việc học tập hoặc đào tạo, nhưng không có trường hợp nào một cá nhân được hưởng các ưu đãi của Điều này quá 6 năm liên tục kể từ ngày đầu tiên cá nhân đó đến Nước ký kết kia.

ĐIỀU 21
GIÁO VIÊN VÀ NHÀ NGHIÊN CỨU

1. Bất kỳ cá nhân nào hiện tại là hoặc ngay trước khi đến một Nước ký kết là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia và hiện đang có mặt tại Nước ký kết thứ nhất với mục đích chủ yếu là giảng dạy, thuyết trình hoặc tiến hành nghiên cứu tại một trường đại học, trường cao đẳng, trường học hoặc cơ sở giáo dục được Chính phủ của Nước ký kết thứ nhất chấp nhận, sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết thứ nhất đối với khoản tiền công từ việc giảng dạy, thuyết trình hoặc nghiên cứu đó trong thời hạn hai năm kể từ ngày đầu tiên cá nhân đó đến Nước ký kết thứ nhất, với điều kiện là khoản tiền công đó có nguồn gốc từ bên ngoài Nước đó.

2. Các quy định tại khoản 1 sẽ không áp dụng đối với các khoản tiền thù lao nhận được đối với việc thực hiện các công việc nghiên cứu không phục vụ cho lợi ích công mà chủ yếu được thực hiện phục vụ cho lợi ích riêng của một đối tượng hoặc nhiều đối tượng nhất định.

ĐIỀU 22
THU NHẬP KHÁC

1. Những khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết, cho dù phát sinh ở đâu, chưa được đề cập đến tại những Điều trên của Hiệp định này, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

2. Các quy định tại khoản 1 sẽ không áp dụng đối với thu nhập, trừ thu nhập từ bất động sản được định nghĩa tại khoản 2 Điều 6, nếu đối tượng nhận thu nhập là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia, hoặc thực hiện tại Nước kia những hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền hoặc tài sản liên quan đến số thu nhập được chi trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định như trên. Trong trường hợp như vậy các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

3. Mặc dù có những quy định tại các khoản 1 và 2, các khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết chưa được đề cập đến tại các Điều trên

của Hiệp định này và phát sinh tại Nước ký kết kia cũng có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

ĐIỀU 23
CÁC BIỆN PHÁP XOÁ BỎ VIỆC ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

Việc đánh thuế hai lần sẽ được xoá bỏ như sau:

1. Trường hợp một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được thu nhập mà theo các quy định của Hiệp định này, có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia, Nước thứ nhất sẽ cho phép, thể theo các quy định tại khoản 2, khấu trừ vào số thuế tính trên thu nhập của đối tượng cư trú đó một khoản tiền bằng số thuế thu nhập đã nộp tại Nước kia. Tuy nhiên, số thuế khấu trừ đó sẽ không vượt quá phần thuế thu nhập được tính trước khi cho phép khấu trừ, được phân bổ cho khoản thu nhập có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Thể theo khoản 1 Điều này, thuế phải trả tại Việt Nam hoặc Ma-rốc, tùy theo từng ngữ cảnh đòi hỏi, sẽ được coi như bao gồm cả số thuế đáng ra phải trả tại một Nước ký kết nhưng đã được Nước ký kết đó giảm hoặc miễn theo các quy định pháp lý vì mục đích phát triển kinh tế.

3. Trong trường hợp thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được được miễn thuế tại Nước đó theo bất kỳ quy định nào của Hiệp định này, Nước này có thể xét đến phần thu nhập được miễn thuế khi tính số thuế đối với thu nhập còn lại của đối tượng cư trú đó.

ĐIỀU 24
KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

1. Các đối tượng mang quốc tịch của một Nước ký kết sẽ không phải chịu tại Nước ký kết kia bất kỳ hình thức thuế nào hoặc bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến hình thức thuế đó khác với hoặc nặng hơn hình thức thuế và các yêu cầu liên quan hiện đang và có thể áp dụng cho các đối tượng mang quốc tịch của Nước kia trong cùng những hoàn cảnh như nhau.

2. Hình thức thuế áp dụng đối với một cơ sở thường trú của một doanh nghiệp của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia sẽ không kém thuận lợi hơn tại Nước kia so với hình thức thuế áp dụng cho các doanh nghiệp của Nước kia cùng tiến hành các hoạt động tương tự. Quy định này sẽ không được giải thích là buộc một Nước ký kết phải dành cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia được hưởng bất kỳ suất miễn thu cá nhân, khoản miễn và giảm thuế nào vì lợi ích của thân phận dân sự và trách nhiệm gia đình mà Nước đó cho đối tượng cư trú của Nước mình được hưởng.

3. Trừ khi các quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 7 Điều 11, hoặc khoản 6 Điều 12 áp dụng, lãi từ tiền cho vay, tiền bản quyền và các khoản thanh toán khác

do một doanh nghiệp của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của một Nước ký kết kia sẽ được phép tính vào chi phí được trừ để xác định các khoản lợi tức chịu thuế của doanh nghiệp đó, theo cùng các điều kiện như là các khoản lãi từ tiền cho vay, tiền bản quyền và các khoản thanh toán khác được trả cho đối tượng cư trú của Nước thứ nhất.

4. Các doanh nghiệp của một Nước ký kết có toàn bộ hoặc một phần vốn do một hoặc nhiều đối tượng cư trú của Nước ký kết kia kiểm soát hoặc sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp, sẽ không phải chịu tại Nước thứ nhất bất kỳ hình thức thuế hoặc yêu cầu liên quan đến hình thức thuế đó khác với hoặc nặng hơn hình thức thuế và những yêu cầu liên quan hiện đang hoặc có thể được áp dụng cho các doanh nghiệp tương tự khác của Nước thứ nhất.

5. Các quy định tại Điều này sẽ chỉ áp dụng cho các loại thuế là đối tượng áp dụng Hiệp định này.

ĐIỀU 25
THỦ TỤC THOẢ THUẬN SONG PHƯƠNG

1. Trường hợp một đối tượng nhận thấy việc giải quyết của nhà chức trách có thẩm quyền của một hoặc cả hai Nước ký kết làm cho hoặc sẽ làm cho đối tượng đó phải nộp thuế không đúng theo các quy định của Hiệp định này, lúc đó đối tượng này có thể giải trình trường hợp của mình với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết nơi đối tượng đó là đối tượng cư trú hoặc của Nước ký kết nơi đối tượng đó mang quốc tịch, mặc dù luật trong nước của hai Nước đã quy định những chế độ xử lý khiếu nại. Trường hợp đó phải được giải trình trong thời hạn 3 năm kể từ lần thông báo giải quyết đầu tiên dẫn đến hình thức thuế áp dụng không đúng với các quy định của Hiệp định.

2. Nhà chức trách có thẩm quyền sẽ cố gắng, nếu như việc khiếu nại là hợp lý và nếu bản thân nhà chức trách đó không thể đi đến một giải pháp thỏa đáng, phối hợp với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia để cùng giải quyết trường hợp khiếu nại bằng thỏa thuận chung, nhằm mục đích tránh đánh thuế không phù hợp với nội dung của Hiệp định này. Mọi thỏa thuận đạt được sẽ được thực hiện không căn cứ vào những giới hạn thời gian ghi trong luật trong nước của hai Nước ký kết.

3. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ cố gắng giải quyết bằng thỏa thuận chung mọi khó khăn hoặc vướng mắc nảy sinh trong quá trình giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước cũng có thể trao đổi với nhau nhằm xóa bỏ việc đánh thuế hai lần trong các trường hợp không được quy định tại Hiệp định.

4. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết có thể liên hệ trực tiếp với nhau nhằm đạt được một thỏa thuận theo nội dung của các khoản trên đây.

ĐIỀU 26
TRAO ĐỔI THÔNG TIN

1. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ trao đổi với nhau các thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện các quy định của Hiệp định này hoặc của các luật trong nước của Nước ký kết liên quan đến các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng sao cho việc đánh thuế theo các luật trong nước sẽ không trái với Hiệp định này, đặc biệt là nhằm ngăn ngừa việc gian lận hoặc trốn các loại thuế đó. Mọi thông tin do một Nước ký kết nhận được sẽ được giữ bí mật giống như thông tin thu nhận theo các luật trong nước của Nước này và sẽ chỉ được cung cấp cho các đối tượng hoặc các cơ quan chức trách (bao gồm tòa án và các cơ quan hành chính) có liên quan đến việc tính toán hoặc thu, cưỡng chế hoặc truy tố hoặc xác định các khiếu nại về các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng. Các đối tượng hoặc các cơ quan chức trách này sẽ chỉ sử dụng các thông tin đó vào các mục đích nêu trên, nhưng có thể cung cấp các thông tin này trong quá trình tố tụng công khai của tòa án hoặc trong các quyết định của tòa án. Các nhà chức trách có thẩm quyền, thông qua tham vấn, sẽ phát triển thủ tục song phương, điều kiện, phương pháp và kỹ thuật phù hợp để tiến hành thủ tục thoả thuận song phương theo quy định tại Điều này.

2. Không có trường hợp nào các quy định tại khoản 1 được giải thích là buộc nhà chức trách có thẩm quyền của một Nước ký kết có nghĩa vụ:

   a) thực hiện các biện pháp hành chính khác với luật pháp và thông lệ về quản lý hành chính của Nước ký kết đó hoặc của Nước ký kết kia;

   b) cung cấp các thông tin không thể tiết lộ được theo các luật hoặc theo như quá trình quản lý hành chính thông thường của Nước ký kết đó hoặc của Nước ký kết kia;

   c) cung cấp các thông tin có thể làm tiết lộ bí mật về thương mại, kinh doanh, công nghiệp, thương nghiệp hoặc bí mật nghề nghiệp hoặc các phương thức kinh doanh, hoặc cung cấp những thông tin mà việc tiết lộ chúng có thể trái với chính sách nhà nước *(ordre public)*.

ĐIỀU 27
HỖ TRỢ THU THUẾ

1. Hai nước ký kết thoả thuận, trong khuôn khổ pháp luật và các quy định của từng nước cho phép, hỗ trợ lẫn nhau để thu các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng cũng như các khoản lãi, chi phí và phạt nộp chậm gắn liền với các khoản thuế đó khi các khoản thuế này đã đến hạn theo pháp luật và các quy định của Nước yêu cầu.

2. Theo nội dung trên, yêu cầu đưa ra cần phải được kèm theo các văn bản theo quy định của pháp luật của Nước yêu cầu chứng minh được rằng số thuế phải thu đã đến hạn nộp.

3. Theo các văn bản này, các biện pháp và các hoạt động thu thuế được tiến hành tại Nước được yêu cầu theo pháp luật và các quy định áp dụng cho việc thu thuế của chính Nước đó.

4. Yêu cầu đối với các khoản thuế phải thu sẽ không được coi như một yêu cầu có tính chất ưu tiên tại Nước được yêu cầu.

ĐIỀU 28
CÁC THÀNH VIÊN CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NGOẠI GIAO VÀ CƠ QUAN LÃNH SỰ

Không nội dung nào trong Hiệp định này sẽ ảnh hưởng đến những ưu đãi về thuế của các thành viên cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự theo những nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế hoặc các quy định trong các Hiệp định đặc biệt.

ĐIỀU 29
HIỆU LỰC

1. Từng Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau bằng văn bản thông qua đường ngoại giao, việc hoàn thành các thủ tục cần thiết theo luật của Nước mình để làm cho Hiệp định này có hiệu lực. Hiệp định sẽ có hiệu lực kể từ thời điểm thông báo sau cùng.

2. Các quy định của Hiệp định sẽ áp dụng:

   a) đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn, thu trên các khoản thu nhập chịu thuế được trả hoặc coi là sẽ được trả vào ngày hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm sau năm dương lịch Hiệp định có hiệu lực; và

   b) đối với các khoản thuế khác, phát sinh trong bất kỳ năm tính thuế hoặc giai đoạn bắt đầu vào ngày hoặc sau ngày 01 tháng 01 của năm sau năm dương lịch Hiệp định có hiệu lực.

ĐIỀU 30
CHẤM DỨT HIỆU LỰC

Hiệp định này có hiệu lực cho đến khi một Nước ký kết tuyên bố chấm dứt hiệu lực. Từng Nước ký kết thông qua đường ngoại giao có thể chấm dứt hiệu lực Hiệp định bằng cách gửi thông báo chấm dứt hiệu lực Hiệp định ít nhất là 6 tháng trước khi kết thúc năm dương lịch sau 5 năm Hiệp định có hiệu lực. Trong trường hợp như vậy, Hiệp định sẽ hết hiệu lực thi hành:

a) đối với các loại thuế khấu trừ tại nguồn, thu trên các khoản thu nhập chịu thuế được trả hoặc coi là sẽ được trả vào ngày hoặc sau ngày 01 tháng 01 của năm dương lịch tiếp sau năm gửi thông báo kết thúc hiệu lực; và

b) đối với các loại thuế khác, phát sinh trong bất kỳ năm tính thuế hoặc giai đoạn bắt đầu vào ngày hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm dương lịch tiếp sau năm gửi thông báo chấm dứt hiệu lực.

ĐỂ LÀM BẰNG, những người được ủy quyền dưới đây của từng Chính phủ đã ký vào Hiệp định này.

Hiệp định làm tại Hà Nội ngày 24 tháng 11 năm 2008, thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Ả-rập và tiếng Anh, các văn bản đều có giá trị ngang nhau. Trường hợp có sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh sẽ được sử dụng làm cơ sở.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	THAY MẶT CHÍNH PHỦ VƯƠNG QUỐC MA-RỐC
Vũ Văn Ninh *Bộ trưởng Bộ Tài chính*	**Abdellatif MAZOUZ** *Bộ trưởng Ngoại thương*

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng